

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày 03 - 6 - 2024

V/v: “Tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quang Man và bà Lê Thị Tuyết Thanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Xuân Lập - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà:** Ông Trần Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024, về tranh chấp “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1989;

* **Bị đơn:** Anh Chu Duy H2, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Phiên toà có mặt chị H1; anh H2 vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2024, bản tự khai ngày 29/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H1 trình bày:

Chị và anh Chu Duy H2 kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/12/2011 tại UBND xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Trước khi kết hôn anh chị có được tự nguyện tìm hiểu khoảng 01 năm. Sau kết hôn, vợ chồng sống chung cùng gia đình nhà chồng, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung; bên cạnh đó anh H2 chơi bời, rượu chè say sỉn, sống không có trách nhiệm với gia đình và vợ con; vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 02/2024 đến nay, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh Chu Duy H2 để ổn định cuộc sống.

* Tại bản tự khai ngày 29/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Chu Duy H2 trình bày:

Anh xác định về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như chị H1 khai là

đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh làm ăn bị thua lỗ, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hòa hợp, không có tiếng nói chung, mỗi lần anh đi uống rượu về thì chị H1 lại tìm cớ gây mâu thuẫn với anh; bên cạnh đó giữa chị H1 và mẹ đẻ anh cũng thường xuyên xảy ra va chạm, mâu thuẫn. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 02/2024 đến nay, mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H1 xin ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Chị H1 và anh H2 thống nhất xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Chu Minh N (con trai), sinh ngày 24/5/2013 và cháu Chu Minh Đ (con trai), sinh ngày 01/6/2015; hiện nay cả hai cháu đang ở với anh H2. Khi ly hôn, chị H1 và anh H2 đều có nguyện vọng xin nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về con nuôi, con riêng: Chị H1 và anh H2 đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay chị H1 không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H1 và anh H2 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại các bản tự khai đề ngày 10/5/2024, cháu Chu Minh N và cháu Chu Minh Đ đều có nguyện vọng xin được ở với anh H2.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H1 thay đổi quan điểm về phần con chung, chị vẫn tha thiết xin được nuôi cả 2 cháu, còn trường hợp anh H2 không đồng ý thì chị xin được nuôi cháu Chu Minh Đ, để anh H2 nuôi cháu Chu Minh N. Các nội dung khác chị giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm HĐXX nghị án: Không vi phạm. Đối với người tham gia tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu H1 và anh Chu Duy H2 đã chấp hành và thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình:

Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H1 và anh Chu Duy H2.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H1 được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Chu Minh Đ, sinh ngày 01/6/2015; giao cho anh Chu Duy H2 được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Chu Minh N, sinh ngày 24/5/2013. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H1 có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Chu Duy H2 có nơi cư trú tại thôn L, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn anh Chu Duy H2 vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H1 và anh Chu Duy H2 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam vào ngày 12/12/2011 đã thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H1, HĐXX thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng anh chị bất đồng về quan điểm sống, kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi chửi nhau, bên cạnh đó mâu thuẫn giữa chị H1 và mẹ chồng cũng rất nặng nề. Anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 02/2024 đến nay, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau cũng không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng. Nay cả chị H1 và anh H2 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đều xin được ly hôn. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H1 và anh H2 là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị H1 và anh H2 đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Chu Minh N, sinh ngày 24/5/2013 và cháu Chu Minh Đ, sinh ngày 01/6/2015. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh H2.

Xét yêu cầu xin nuôi con chung của chị H1 và anh H2, HĐXX thấy: Nguyên vọng xin nuôi con chung của hai bên là chính đáng, anh chị đều có công việc và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng các cháu. Mặc dù cả 2 cháu đều có quan điểm xin được ở với anh H1, nhưng để đảm bảo quyền và lợi ích cho trẻ chưa thành niên, phù hợp với điều kiện về tâm, sinh lý của các cháu cũng như các điều kiện nuôi dạy khác, HĐXX thấy cần giao cho chị H1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ; giao cho anh H2 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N; anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là hoàn toàn phù hợp với điều kiện thực tế của các bên và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Con nuôi, con riêng: Chị H1, anh H2 đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xét. Hiện chị H1 không có thai nghén gì.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H1, anh H2 đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H1 và anh H2 phải nộp theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, chị H1 tự nguyện xin nộp cả phần án phí ly hôn sơ thẩm cho anh H2.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H1 và anh Chu Duy H2.

2/ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H1 được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Chu Minh Đ, sinh ngày 01/6/2015. Giao cho anh Chu Duy H2 được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Chu Minh N, sinh ngày 24/5/2013. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H1 và anh Chu Duy H2, mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chấp nhận sự tự nguyện của chị H1 nộp cả phần án phí của anh H2, chuyển số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà chị H1 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000367 ngày 29/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam thành án phí ly hôn sơ thẩm anh chị phải nộp. Chị H1, anh H2 đã nộp đủ.

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị H1 có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh H2 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- UBND xã Tiên Tân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Kim Ngân